

Bản án số: 145/2021/HS-PT
Ngày 19-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Cao Huy Cường.

Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 171/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2021/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn N sinh năm 1989 tại tỉnh Long An; nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở: khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L; có vợ là bà Huỳnh Thị Kim L1; có 02 con (sinh năm 2014 và năm 2016); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Long An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2021 đến nay (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, có 01 bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N quen biết với các ông Nguyễn Văn Hữu C và Phạm Văn T. Khoảng 22 giờ ngày 26/01/2021, ông T rủ N, ông C và một số người bạn đến phòng trọ của ông T tại phòng trọ số X, nhà trọ H thuộc ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương uống rượu. Sau khi uống rượu xong, cả nhóm nghỉ. Ông T vào phòng trọ ngủ, ông C thấy N mệt nên rủ N đến phòng trọ số Y, nhà trọ H ngủ chung với ông C, N đồng ý. Ông C đẩy xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển số 66P2-X của mình vào dựng trong phòng trọ, rồi để 01 điện thoại hiệu Samsung J7, 01 điện thoại hiệu Samsung J7 Pro cùng 01 ví da bên trong có 45.000 đồng trên nệm. Sau đó, ông C đóng cửa và gài chốt bên trong phòng rồi ngủ. Đến khoảng 01 giờ ngày 27/01/2021, N thức dậy thấy ông C đang ngủ say, N lén lút lục tìm trong phòng trọ lấy được chìa khóa xe mô tô của ông C để trên bàn thờ, sau đó N lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, 01 điện thoại hiệu Samsung J7 Pro và 01 ví da của ông C bỏ vào cốp xe mô tô của ông C và điều khiển xe mô tô đi khỏi nhà trọ.

Đến khoảng 06 giờ ngày 27/01/2021, ông C thức dậy phát hiện mất tài sản nên đến Công an xã A, thị xã B trình báo. Công an xã A gọi điện thoại cho N để xác minh sự việc. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, N đến Công an xã A đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu cam - đen biển số 66P2-X; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro; 01 ví da màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 20/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, tỉnh Bình Dương xác định: 01 Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66P2-X trị giá 29.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 810.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro trị giá 1.650.000 đồng.

Đối với 01 ví da màu đen đã rách, cũ, không có giá trị nên Cơ quan C sát điều tra - Công an thị xã B không yêu cầu định giá.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2021/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2021, bị cáo có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá cao.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nhận thấy, bị cáo từng chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”, trong vụ án này bị cáo lợi dụng lúc bị hại ngủ say đã lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá là 31.505.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện tuyên xử 02 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 17 tháng 11 năm 2021 bị cáo N có đơn xin giải quyết vắng mặt (có xác nhận của Nhà Tạm giữ - Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương). Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt bị cáo N.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: khoảng 01 giờ ngày 27/01/2021, tại phòng trọ số Y nhà trọ H thuộc ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Văn N đã lén lút chiếm

đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66P2-X, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro và 01 ví màu đen bên trong có 45.000 đồng của bị hại Nguyễn Văn Hữu C. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 31.505.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: bị cáo từng bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2021/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan C sát điều tra - Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo) (2);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, NTN, 19.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức